BÀI CA NGẮN ĐI TRÊN BÃI CÁT

(*Sa hành đoản ca*)

A – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Giúp HS :

– Nắm được trong hoàn cảnh nhà Nguyễn trì trệ, bảo thủ, Cao Bá Quát tuy vẫn đi thi nhưng đã tỏ ra chán ghét con đường mưu cầu danh lợi tầm thường. Bài thơ *Bài ca ngắn đi trên bãi cát* biểu lộ tinh thần phê phán của ông đối với học thuật và sự bảo thủ, trì trệ của chế độ nhà Nguyễn nói chung, góp phần lí giải hành động khởi nghĩa của ông về sau vào năm 1854.

– Hiểu được mối quan hệ giữa nội dung nói trên và hình thức nghệ thuật của bài thơ cổ thể về nhịp điệu, hình ảnh,... Các yếu tố hình thức này có đặc điểm riêng, phục vụ cho việc chuyển tải nội dung.

B – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

I – NỘI DUNG

1. Đặc điểm bài học

Thi pháp văn học trung đại nhấn mạnh mối quan hệ giữa tình và cảnh. Mệnh đề "cảm vật nhi động" (tâm xúc cảm trước sự vật mà xúc động) có nghĩa là cảm xúc, suy nghĩ thường bị kích phát do một cảnh vật, một sự việc nào đó. Vì thế, các bài thơ thời trung đại thường sử dụng lối dẫn dắt cảm xúc, suy nghĩ bằng cảnh và sự việc.

Bài thơ tả cảnh bãi cát và sự việc đi trên bãi cát để từ đó dẫn dắt suy nghĩ về con đường danh lợi và rộng hơn là con đường đời ; nỗi buồn chán, bế tắc của người đi đường.

2. Trọng tâm bài học

Trước hết, hiểu việc tả thực cảnh đi trên bãi cát. Đi trên cát đã khó, xét về không gian thì đường xa, xung quanh lại bị vây bởi núi, sông, biển ; xét về thời gian thì mặt trời đã lặn mà vẫn tất tả đi (bình thường, khi mặt trời lặn, con người và vạn vật đều tìm chốn nghỉ ngơi).

Sau đó, chú ý nghĩa biểu trưng : Người đời tất tả như vậy là vì danh lợi ("danh lợi" là từ hay được nhà nho xưa dùng chỉ việc làm quan thường là do học hành, thi cử để đạt tới một vị trí trong chốn quan trường). Cái mồi danh lợi, bả công danh lôi kéo con người, làm cho con người mê muội. Biết bao trí thức nho sĩ phải đi theo

con đường khoa cử, ra làm quan để vào đời[1]. Riêng Cao Bá Quát nhận thấy con đường danh lợi đầy nhọc nhằn, đầy chông gai. Tuy chưa thể tìm ra một con đường đi nào khác, song ông đã nhận thấy không thể cứ đi mãi trên bãi cát danh lợi đó.

Nhà nho thường có thái độ coi khinh danh lợi, đề cao đạo nghĩa (liên hệ lời của Nguyễn Bỉnh Khiêm).

II – PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

– GV hướng dẫn, gợi mở cho HS hiểu và trả lời câu hỏi trong phần *Hướng dẫn học bài*. Kết hợp các phương pháp dạy bài thơ cổ gồm đọc diễn cảm văn bản, so sánh bản dịch với nguyên bản chữ Hán, phân tích từ ngữ, phân tích hoàn cảnh lịch sử nước ta lúc đó đã có nhiều cuộc tiếp xúc với phương Tây, nhưng nhà Nguyễn không có được chủ trương đổi mới đất nước theo kịp với thực tế mà vẫn có chính sách bảo thủ, trì trệ ; phân tích khía cạnh văn hoá mà bài thơ đặt ra.

Cần hướng dẫn HS hiểu và trả lời được các câu hỏi. Có thể để HS thuyết trình hay thảo luận, tranh luận để tạo hứng thú cho bài học.

2. Tiến trình tổ chức dạy học

– GV hướng dẫn HS đọc bài thơ.

– Trước khi HS thảo luận, GV cần gợi ý *hoàn cảnh ra đời* của bài thơ. Cao Bá Quát thi đỗ cử nhân năm 1831 tại trường thi Hà Nội. Để thi tiến sĩ, cần vào kinh đô Huế. Do vậy, ông đã nhiều lần đi Huế để thi Hội (nhưng đã không đỗ tiến sĩ). Hành trình từ Hà Nội vào Huế qua nhiều tỉnh miền Trung như Quảng Bình, Quảng Trị là vùng có nhiều bãi cát trắng mênh mông. Ta thấy hình ảnh những cồn cát miền Trung đã sớm đi vào thơ ca. GV có thể chủ động tìm các dẫn chứng thơ ca, ví dụ như các nhà nghiên cứu lưu ý là Nguyễn Du đã đưa quan sát thực tế vào việc tả cảnh trong *Truyện Kiều* vì trên đường vào Huế, ông cũng từng nhiều lần qua lại các tỉnh này.

Bốn bề bát ngát xa trông,
Cát vàng cồn nọ, bụi hồng dặm kia.

Miền Trung, nhất là hai tỉnh Quảng Bình và Quảng Trị, là dải đất hẹp, có thể bằng mắt thường nhìn thấy một phía là dãy Trường Sơn, một phía là biển Đông. Không nghi ngờ gì nữa, *hình ảnh bãi cát dài, sóng biển và núi là những hình ảnh có thực đã gợi ý cho tác giả sáng tác bài thơ.* Tuy nhiên, thơ không bao giờ dừng lại ở việc tả thực. Hình tượng thơ luôn mang ý nghĩa khái quát cao. Trong thi ca Trung Quốc,

(1) GV chú ý phân biệt các khái niệm "chí nam nhi", "công danh" với khái niệm "danh lợi". Chí nam nhi, công danh có thể không gắn liền với việc làm quan, với lợi ích vật chất.

Việt Nam thời trung đại, hình tượng con đường (chữ Hán : *lộ, đồ*) khá phổ biến nhưng nghĩa ở mỗi trường hợp cụ thể lại khác nhau. Bài *Hành lộ nan* của Lí Bạch dùng chữ *lộ* để chỉ đường đời gian nan nói chung. Trong thơ chữ Hán, Nguyễn Du có nhiều bài sử dụng hai chữ *cùng đồ* (con đường cùng) nhưng không có nghĩa là đường đời mà chỉ nói một hoàn cảnh cụ thể của Nguyễn Du trong những tháng năm sống phiêu dạt hết ở Thái Bình đến Hà Tĩnh, với cuộc sống đầy khó khăn khi trốn tránh, bất hợp tác với Tây Sơn :

– ***Cùng đồ*** *lân nhữ dao tương kiến*
(Lúc đường cùng thương ta cùng trăng nhìn nhau từ xa)

(*Quỳnh Hải nguyên tiêu*)

– *Nhân đáo* ***cùng đồ*** *vô hảo mộng*
(Người đến bước đường cùng không có mộng đẹp)

(*Trệ khách*)

So với hình ảnh con đường trong các bài thơ trên, *cùng đồ* trong bài *Bài ca ngắn đi trên bãi cát* có nghĩa bế tắc đường đời của một trí thức. Song như đã nói, con đường của trí thức nho sĩ thuở xưa không có gì khác hơn là học – thi – làm quan. Một sự kiện nổi bật cho thấy Cao Bá Quát bất bình với học thuật, khoa cử nhà Nguyễn. Đó là việc ông từng dùng muội đèn để chữa bài thi phạm huý nhưng có chất lượng để lấy đỗ. Việc bị phát giác, ông bị tống giam, tra tấn, khép tội "giảo giam hậu" (tống giam đợi tử hình), sau được tha và cho đi "dương trình hiệu lực" (đi phục dịch sứ bộ nhà Nguyễn sang các nước Đông Nam Á) để lấy công chuộc tội.

Một phương diện nữa cũng cần chú ý là người Việt Nam nói chung và Cao Bá Quát nói riêng ở giữa thế kỉ XIX đã tiếp xúc với văn hoá phương Tây. Họ không thể không suy nghĩ và so sánh về cái học của phương Đông và phương Tây. Sau Cao Bá Quát không lâu, xuất hiện Nguyễn Trường Tộ với tư tưởng canh tân đất nước. Cao Bá Quát là nhà thơ có những cảm nhận bước đầu về sự cần thiết của đổi mới giáo dục qua cái nhìn chán ghét lối học cũ, học chỉ để mưu cầu danh lợi, để làm quan.

– Sau đó, cho HS thảo luận và trả lời các câu hỏi. Riêng câu 2 khá khó, đòi hỏi suy luận. Sáu câu thơ có vẻ rời rạc không gắn bó nhưng thực chất là một liên kết lôgíc chặt chẽ đòi hỏi GV phải gợi ý HS tìm ra liên kết này. Hai câu : "Không học được tiên ông phép ngủ, – Trèo non, lội suối, giận khôn vơi !" thể hiện nỗi chán nản của tác giả vì tự mình phải hành hạ thân xác của mình theo đuổi công danh. Bốn câu tiếp theo : "Xưa nay, phường danh lợi, – Tất tả trên đường đời. – Đầu gió hơi men thơm quán rượu, – Người say vô số, tỉnh bao người ?" nói về sự cám dỗ của cái bả công danh đối với người đời. Nhận định mang tính khái quát về những kẻ ham

danh lợi đều phải chạy ngược chạy xuôi ("tất tả"[bôn tẩu]) nhọc nhằn được nhà thơ minh hoạ bằng hình ảnh người đời thấy ở đâu có quán rượu ngon đều đổ xô đến, mấy ai tỉnh táo thoát khỏi sự cám dỗ của rượu. Danh lợi cũng là một thứ rượu dễ làm say người. Sáu câu thơ này chuẩn bị cho kết luận của tác giả : Cần phải thoát ra khỏi cơn say danh lợi vô nghĩa. Tầm tư tưởng cao rộng của Cao Bá Quát chính là ở chỗ đã nhận thấy rõ tính chất vô nghĩa của lối học khoa cử, của con đường công danh theo lối cũ (liên hệ sức cám dỗ của danh lợi với việc làm quan).

Hình ảnh bãi cát có ý nghĩa nghệ thuật độc đáo vì mang tính sáng tạo (không vay mượn từ văn học Trung Quốc như nhiều hình tượng thơ khác) mà được xây dựng từ việc quan sát hiện thực.

Xét về thể loại, *Bài ca ngắn đi trên bãi cát* viết theo thể ca hành, thuộc loại *cổ thể* (người ta dùng khái niệm *cận thể* để chỉ thơ luật). Bài thơ theo cổ thể có phần tự do về kết cấu, vần, nhịp điệu. (Tham khảo : Từ Sư Tăng [đời Minh] trong sách *Văn thể minh biện* [Biện luận sáng rõ về các thể văn] viết : "Ngoài việc khúc đàn phụ hoạ, bài thơ có tình cảm phóng túng, lời dài mà đa dạng, không bị gò bó thì gọi là *ca* ; nhịp điệu nhanh gấp khẩn trương, lưu loát mà không bị ngưng trệ gọi là *hành*. Bài nào kiêm được cả hai đặc điểm thì gọi là *ca hành*" [theo từ điển *Từ hải*, mục từ *Ca hành*].)

Nhịp điệu của bài thơ này được tạo nên chủ yếu nhờ sự thay đổi độ dài của các câu thơ cũng như sự khác nhau trong cách ngắt nhịp của mỗi câu, đem lại khả năng diễn đạt phong phú. Có từng cặp đối xứng với số lượng chữ không đều nhau : 5 chữ, 7 chữ, 8 chữ. Cách ngắt nhịp có thể là 2/3 (*trường sa/ phục trường sa*), là 3/5 (*Quân bất học/ tiên gia mĩ thuỵ ông*), là 4/3 (*phong tiền tửu điếm/ hữu mĩ tửu*). Câu cuối cùng không có cặp đối, như một câu hỏi buông ra đầy ám ảnh. Nhịp điệu diễn đạt sự gập ghềnh, trúc trắc của những bước đi trên bãi cát dài, tượng trưng cho con đường công danh đáng chán ghét.

III – KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

Để kiểm tra, đánh giá mức độ nắm bắt bài học, ngoài việc vận dụng các kiến thức trên để gợi ý cho HS trả lời các câu hỏi, cần ra một câu hỏi yêu cầu tổng hợp và suy luận. Chẳng hạn như câu hỏi sau : "Danh lợi" là gì ? Hãy cho biết thái độ của Cao Bá Quát đối với "danh lợi". Hình ảnh "bãi cát" đã thể hiện thái độ ấy như thế nào ?

Có thể liên hệ khái niệm "danh lợi" ở đây với việc đi học, thi, ra làm quan vì trong thơ, Cao Bá Quát nhiều lần viết về việc học hành, khoa cử như là con đường tìm kiếm danh lợi. Ví dụ : "Dư sinh phù danh ngộ, – Thập niên trệ văn mặc" (Đời ta lầm lỡ vì *cái danh hờ*, – Hàng chục năm chìm đắm trong bút mực) (bài *Đắc gia thư, thị nhật tác*) ; "Vị luyến minh thì học tố quan, – Nhất danh lạo đào vị năng nhàn" (Vì

lưu luyến thời sáng sủa nên học làm quan, – *Một chút danh* mà lận đận mãi chưa thể nhàn được) (bài *Đình thí hậu trình chư hữu*). Trong nhiều bài thơ, ông cũng đã tỏ ra chán ghét việc học và thi văn chương để tìm kiếm công danh, danh lợi. Ví dụ :

Tự tòng phiếm hải lịch Ba Sơn,
Thuỷ giác lục hợp hà mang mang !
Thướng tích văn chương đẳng nhi hí !
Thế gian thuỳ thị chân nam tử ?
Uổng cá bình sinh độc thư sử.

(Từ khi vượt bể qua đất Ba Sơn,
Mới cảm thấy vũ trụ là bao la !
Chuyện văn chương trước đây thực là trò trẻ con !
Trong thế giới này có ai thật là bậc tài trai,
Mà lại phí cả một đời đọc mấy pho sách cũ.)

(*Đề sát viện Bùi Công "Yên Đài anh ngữ" khúc hậu,*
dẫn theo Nguyễn Lộc, *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỉ XVIII – hết thế kỉ XIX*, NXB Giáo dục, 1999)

Cao Bá Quát đã thấy phải làm được việc gì lớn lao hơn, có ích cho đời hơn. Đó là lí do dẫn ông đến với cuộc khởi nghĩa chống lại nhà Nguyễn.

IV – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Xuân Diệu, *Các nhà thơ cổ điển Việt Nam* (phần *Thơ Cao Bá Quát*), NXB Văn học, Hà Nội, 1998.

2. Nguyễn Lộc, *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỉ XVIII – hết thế kỉ XIX* (phần viết về Cao Bá Quát), Sđd.